

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 216/2025/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 6 năm 2025

Về Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Tân Phước, bà Dương Thị Thúy Duy.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Trúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2025/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2025 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 416/2025/QĐXXST-HN, ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978; CCCD số: 089078003114; nơi cư trú: Tổ A, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; CCCD số: 089178003344 nơi cư trú: Tổ A, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; trình bày của bị đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T do mai mối được cha mẹ đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu hai người chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hòa hợp nên thường hay gây cãi, cả hai đều không quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Ông H và bà T đã ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông H xin được ly hôn và bà T cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông H và bà T có 02 con chung

tên Nguyễn Huy T1, sinh ngày 22/10/2005 và Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 20/9/2012. Cháu T1 đã trưởng thành và sống tự lập nên không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu H1, ông H và bà T thống nhất để bà T trực tiếp nuôi dạy, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H và bà T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 28/5/2025, cháu Nguyễn Quốc H1 có nguyện vọng sống cùng bà T sau khi bà T và ông H ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định được giữa ông H và bà T có mâu thuẫn trầm trọng. Do hôn nhân của ông H và bà T không có đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng theo quy định tại các Điều 9, 14 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung, đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Quốc H1. Về tài sản chung, không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn H khởi kiện xin ly hôn với bà Nguyễn Thị T và đồng ý để bà T trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp "*ly hôn, nuôi con chung*". Bị đơn bà Nguyễn Thị T cư trú ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về việc đương sự vắng mặt: Ông H và bà T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà T là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của ông H và bà T, nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm giữa ông H và bà T là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian chung sống hai người thường cãi nhau, nên đã sống riêng từ đầu năm 2024 cho đến nay. Ông H xin ly hôn và bà T cũng đồng ý ly hôn cho thấy mâu thuẫn giữa hai người là trầm trọng, không thể duy trì quan hệ hôn nhân. Tuy

nhiên, căn cứ Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình thì ông H và bà T có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng ông H và bà T không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên không phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình. Việc ông H và bà T không đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã K, huyện A xác nhận theo Giấy xác nhận số 11/XN-UBND, ngày 26/5/2025. Do đó, mặc dù ông H và bà T có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán nhưng không đăng ký kết hôn, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông H và bà T có 02 con chung tên Nguyễn Huy T1, sinh ngày 22/10/2005 và Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 20/9/2012. Do cháu T1 đã trưởng thành và sống tự lập được nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu H1 thì ông H và bà T thống nhất để bà T được trực tiếp nuôi; cháu H1 cũng có nguyện vọng sống cùng bà T sau khi ông H và bà T ly hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận của ông H và bà T về người trực tiếp nuôi con, theo đó bà T được trực tiếp nuôi cháu H1 sau ly hôn.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên công nhận sự tự nguyện của bà T.

[2.4] Về tài sản chung: Ông H và bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định, bà T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dạy 01 (một) con chung tên Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 20/9/2012.

Ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn H và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của bà Nguyễn Thị T. Ngược lại, bà T và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông H.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu số 0010540 ngày 09/5/2025. (Ông H đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt các đương sự. Thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Khánh An (1);
- Văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sáu